

DANH NHÂN LÀNG TRUNG LỄ

Nguyễn Văn Thương¹

1. Vài nét về làng Trung Lễ

Làng Trung Lễ thuộc xã Trung – Lâm – Thủy huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh. Trước năm 1945 bao gồm hai làng là Lạc Thiện và Quy Nhân thuộc tổng Văn Lâm phủ Đức Thọ. Sau năm 1945 hai làng này cùng với các làng Thượng Ích, Văn Lâm, Đông Khê, Tường Vân sát nhập thành xã Ngu Lâm. Năm 1954 chia xã Ngu Lâm thành ba xã mới là Đức Trung, Đức Lâm, Đức Thủy. Tháng 10 năm 1974 đổi xã Đức Trung thành xã Trung Lễ, bao gồm có 8 xóm gọi từ 1 đến 8 tương ứng với các tên gọi cũ: xóm 1- Quang Thượng; xóm 2 – Khánh Thượng; xóm 3 – Vĩnh Lai; xóm 4 – Vĩnh Tân; xóm 5 – Tân Phong; xóm 6 – Tân Tiến; xóm 7 – Khánh Hạ; xóm 8 bao gồm Quang Hậu, Quang Tiền, Quang Trung.

Làng Trung Lễ có diện tích khoảng 385,76 ha, địa hình đồng bằng đất thịt. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, ngoài ra còn có các ngành nghề khác như làm mộc, xây dựng, kinh doanh buôn bán.

Trung Lễ là một làng nổi tiếng ở huyện Đức Thọ nói riêng, xứ Nghệ nói chung. Thời Trần, nhân dân Trung Lễ đã theo vua Trần Trùng Quang và sau đó là Lê Lợi khởi nghĩa chống giặc Minh. Nổi tiếng nhất là cuộc khởi nghĩa của nhân dân làng Trung Lễ hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX dưới sự lãnh đạo của Lê Ninh.

Trong làng Trung Lễ có nhiều di tích lịch sử văn hóa cách mạng như: Căn cứ chống Pháp của nghĩa quân Lê Ninh tổ chức, đây cũng chính là Lễ thứ - một trong 15 quân thứ của nghĩa quân cần vương Phan Đình Phùng; có đồn binh Lạc Thiên; có nhà thờ họ Lê được công nhận là Di tích văn hóa cấp tỉnh. Sinh hoạt truyền thống dân gian của làng phong phú, có nhiều văn thơ, hò vè, ca dao, ngôn ngữ được lưu truyền.

Làng Trung Lễ là một làng cổ có truyền thống khoa cử. Thời Nho học, có nhiều người đỗ đạt cao và làm quan to. Ở Trung Lễ có 2 người đỗ Tiến sĩ, 8 người đỗ cử nhân, 2 người làm quan Bộ chánh, 1 người làm quan Án sát, 1 người làm Quản đạo, 3 người làm

¹ Ths. Trường THPT Bình Phú, ĐT 0933041170; Email: trieuchau842003@yahoo.com

tri huyện. Đặc biệt trong thời Cận đại và Hiện đại có nhiều nhân vật nổi tiếng, đóng góp lớn cho lịch sử và văn hóa nước nhà.

2. Những danh nhân Lịch sử - văn hóa tiêu biểu của làng Trung Lễ

• *Lê Ninh – anh hùng xướng nghĩa đầu tiên trong phong trào Cần Vương ở Hà Tĩnh*

Lê Ninh (1857 – 1886) hiệu là Mạnh Khang, ông là con cả của Lê Khanh – nguyên là quan Bó chánh tỉnh Bình Định. Xuất thân từ một gia đình khoa bảng quan lại nên được tập ấm nên thường được gọi là Ấm Ninh.

Ông sớm bộc lộ khí phách tuấn kiệt, khi đi học ở Vinh, ông tham gia đội quân “Bình Tây Thu Bắc” của Trần Tấn và Đặng Như Mai khi triều đình kí hòa ước Giáp Tuất 1874 giao Nam Kỳ cho Pháp. Đội quân bị giải tán, ông bị bắt giam tại nhà lao Nghệ An. Sau khi được thả về quê, ông liên kết với bạn học và những người hào kiệt trong vùng nuôi chí đánh Tây.

Ngày 5 tháng 7 năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, Phụ chính Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi chạy đến chiến khu Tân Sở (Quảng Trị) ban bố dụ Cần Vương. Hay tin, Lê Ninh liền cùng với các em kêu gọi mọi người trong vùng phát cờ ứng nghĩa. Tin tưởng vào tài năng và nhân cách của các ông, nhiều người dân ở Trung Lễ đã tự nguyện theo ông và ủng hộ nhiều tiền của. Con cháu họ Lê cũng tham gia rất đông và nhiều người sau này đã trở thành những tướng lĩnh tài giỏi như Lê Diên, Lê Trực, Lê Võ, Lê Phác, Lê Hoạt, Lê Phát... Lê Ninh mộ trai tráng ở làng và ở hai xã Phù Long (quê vợ ông), Yên Trường (huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An) lập đại đồn Trung Lễ, mở xưởng rèn đúc vũ khí, tích trữ lương thực và luyện tập đội ngũ để sẵn sàng chiến đấu.

Tháng 11-1885, tập hợp với các đạo nghĩa binh khác ở Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà, ông cầm quân kéo vào hạ thành Hà Tĩnh bắt và giết Bó chánh Lê Đại. Chiến lợi phẩm thu được ông đưa lên sơn phòng Phú Gia – Hương Khê báo yết và nộp lên vua Hàm Nghi, được vua phong chức Bang biện quân vụ, chuẩn cho về làng chuẩn bị giết giặc cứu nước.

Cuối năm 1885, lính Pháp từ Nghệ An cùng bọn tay sai tấn công đại đồn Trung Lễ và phóng hoả đốt làng, Lê Ninh cùng quân bản bộ phải rút về vùng núi giáp giới giữa hai huyện Hương Sơn và Thanh Chương hợp với lực lượng của Phan Đình Phùng.

Năm 1886, thừa lệnh cụ Phan, ông cầm quân đánh đồn Dương Liễu, một địa điểm nằm ở hữu ngạn sông Lam, không chế việc đi lại giữa các huyện miền núi Hà Tĩnh và đồng bằng Nghệ An và quân của Lê Ninh đã tiêu diệt gọn cứ điểm này. Đó là trận đánh cuối cùng của cuộc đời người tuấn kiệt, cuối năm 1887, ông bị bệnh nặng và mất khi vừa tròn 30 tuổi.

Lê Ninh mất, em ông là Lê Trực lên thay, sau ông này trở thành một chỉ huy của nghĩa quân Hương Khê. Con trai ông là Lê Nghệ (1883-1916) cũng tham gia phong trào chống Pháp, bị bắt và mất trong ngục năm 1916, lúc 33 tuổi.

Khi ông qua đời, cụ Phan Đình Phùng xót thương có làm câu đối:

雖云成敗由天唱義先聲存又靜 *Tuy vân thành bại do thiên, xướng nghĩa tiên thanh tồn Nghệ Tĩnh*

堪嘆英雄無地扶君大節有鴻藍² *Kham thán anh hùng vô địa, phù quân đại tiết hữu Hồng Lam.*

Tạm dịch:

*Tuy rằng thành bại tại trời, tiếng xướng nghĩa trước tiên còn truyền Nghệ Tĩnh
Than nhẽ anh hùng không đất, tiết phò vua cao cả, khá sánh Hồng Lam.*

Trong những ngày lâm bệnh, ông vẫn bền gan nuôi chí lớn, trước lúc lâm chung ông có viết bài thơ:

自詠

Tự vịnh

回憶前年入靜城

Hồi ức tiền niên nhập Tĩnh thành

徘徊五夜愧虛名

Bồi hồi ngũ dạ quý hư danh

心拋萬獻綱常重

Tâm phao vạn tuyến cương thường trọng

身歷千重霧嶂輕

Thân lịch thiên trùng sương chướng vụ khinh

² Dẫn theo: <https://www.thivien.net/Phan-%C4%90%C3%ACnh-Ph%C3%B9ng/%C4%90i%E1%BA%BFu-L%C3%AA-Ninh/poem-joQtVwPUyEgg6bCTvVDY1Q>.

待旦有懷扶地軸	<i>Đãi đán hữu hoài phù địa trục</i>
枕戈可必揭天經	<i>Châm qua khả tất yết thiên kinh</i>
始終和字還愚宋	<i>Thủy chung hoà tự hoàn ngu Tống</i>
藍水鴻山誓此生 ³	<i>Lam thủy Hồng sơn thệ tử sinh.</i>

Dịch thơ:

*Nhớ việc năm xưa lấy tỉnh thành
Tiếng chuông thẹn suốt năm canh
Lòng vò muôn mối cương thường nặng
Thân trải nghìn trùng chướng khí khinh
Đợi sáng, kìa ai quay địa trục
Gối đòng, nợ kẻ giữ thiện kinh
Chữ hòa trót đã ngu triều Tống
Cùng với Lam Hồng quyết tử sinh.*

• Lê Võ – Chí sĩ yêu nước đầu thế kỉ XX

Lê Võ (1875 - 1941), còn gọi là Âm Võ, em ruột của của Lê Ninh. Khi anh trai là Lê Ninh dựng cờ xưng nghĩa hưởng hưởng phong trào Cần Vương, Lê Võ đã cùng anh trai và những người em lãnh đạo nhân dân làng Trung Lễ và các làng thân cận chuẩn bị lực lượng, đào hào, xây lũy. Khi cuộc Cần Vương thất bại ông tạm thời về sinh sống tại làng.

Năm 1904 ông tiếp xúc với Phan Bội Châu và là một trong những thành viên tích cực thành lập Duy Tân hội. Năm 1906, ông sang Trung Quốc, sau đó sang Nhật Bản trong phong trào Đông Du. Năm 1908, ông bị chính quyền Nhật trục xuất, ông về nước hoạt động. Năm 1911, giữa lúc đang sắp xuất dương lần thứ 2 thì ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, chúng kết án ông rồi đem giam tại nhà lao Vinh, sau đó đày đi Lao Bảo. Đến năm 1925 ông được trả tự do nhưng bị quản thúc ngặt nghèo, ông phải sống âm thầm tại làng Trung Lễ.

Khi bị giam ở nhà lao Vinh ông có làm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

³ Dẫn theo: <https://www.thivien.net/L%C3%AA-Ninh/author-NblSgshMxDforY3apU7CXg>.

無題

Vô đề

男兒最苦公家債	<i>Nam nhi tối khổ công gia trái</i>
造物何狡志士讎	<i>Tạo vật hà toan chí sĩ thù</i>
身世优危清浪跡	<i>Thân thế ưu nguy thanh lãng tích</i>
山河破碎未亡軀	<i>Sơn hà phá toại vị vong khu</i>
梨園子弟如星散	<i>Lê viên tử đệ như tinh tán</i>
故國風雲盡日幽	<i>Cố quốc phong vân tận nhật u</i>
不識武臺何處覓	<i>Bất thức võ đài hà xứ mịch?</i>
杜鵑魂逐五更秋 ⁴	<i>Đỗ quyên hồn trục ngũ canh thu.</i>

Tạm dịch :

*Nợ chung vương nặng vai nam tử
 Thù nước chi hồn bác hóa công
 Vẫn biết cuộc đời xe cát biển
 Cũng liều cái chết với non sông
 Anh em thuở nợ tìm đâu thấy
 Đất nước hôm rày hết chỗ trông
 Kìa chốn võ đài đâu đấy nhi?
 Hồn quyên lai láng suốt canh đông.*

• Lê Thước – một nhà giáo, nhà văn hóa

Lê Thước (1891-1976) hiệu Tỉnh Lạc .Thân phụ là Tú tài Lê Trọng Liễu vốn gốc họ Trần từ Đông Sơn- Thanh Hoá vào làm rể họ Lê rồi định cư ở làng Trung Lễ. Thân mẫu là bà Lê Thị Ba, con Cử nhân Lê Văn Thống, được triều đình ban tặng hàm Hàn Lâm thị độc. Lê Thước từ nhỏ vừa học chữ Nho lại học cả chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Sau khi đỗ Thành chung Quốc học Huế, làm giáo học ở Thị xã Vinh.

Khoa thi năm 1918 là khoa thi Hương cuối cùng tại trường Nghệ của chế độ khoa cử nhà Nguyễn. Tại kỳ thi đó, tỉnh Hà Tĩnh có 7 nho sỹ đỗ Cử nhân, trong đó Lê Thước giành

⁴ Dẫn theo: <https://www.thivien.net/L%C3%AA-V%C3%B5/V%C3%B4-%C4%91%E1%BB%81/poem-qMMKKrgWWqOJkC1x49JJ4g>.

vị trí Giải nguyên. Lê Thước đỗ Giải nguyên nhưng không làm quan mà ông ra Hà Nội học trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương. Sau khi ra trường ông được bổ dụng Giáo sư Văn học giảng dạy ở Quốc học Vinh, Bắc Ninh, Albert Sarraut - Hà Nội...

Ngoài những giờ lên lớp, ông giành thời gian cho sưu tầm văn học và lịch sử. Hội Hàn lâm Nghệ An do Giáo sư Hipolite le Breton - Hiệu trưởng Quốc học Vinh thành lập mà Lê Thước là thành viên đã tổ chức nhiều cuộc điền dã khảo sát thực tế. Ông còn là soạn giả đầu tiên bộ sách giáo khoa môn Văn dùng cho học sinh Quốc học Vinh.

Sau năm 1945, Lê Thước đảm nhiệm nhiều công việc như Chủ tịch Ủy ban tản cư tỉnh Thanh Hoá, Ủy viên Liên Việt toàn quốc. Năm 1954, Lê Thước về nhận công tác tại Ban Tu thư của Bộ Giáo dục, sau đó lại chuyển sang Vụ Bảo tồn Bảo tàng của Bộ Văn hoá. Suốt trong thời gian này, ông đã cùng các học giả tên tuổi như Đỗ Đức Hiểu, Trương Chính, Hoàng Ngọc Phách, Vũ Đình Liên... soạn thảo bộ giáo trình đầu tiên giảng dạy môn Văn bậc Đại học. Lê Thước cũng là một trong những nhà giáo đầu tiên được phong hàm Giáo sư dưới chính thể Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Lê Thước là nhà dịch thuật, nghiên cứu văn học, nghiên cứu lịch sử xuất sắc được nhiều thế hệ trí thức nước ta tôn vinh làm bậc thầy. Tác phẩm chính của ông gồm: “*Truyện cụ Nguyễn Du*”, “*Sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Công Trứ*”, “*Văn thơ Trần Tế Xương*”, khảo cứu về “*Cung oán ngâm khúc*”, “*Thơ văn Nguyễn Thượng Hiền*”, “*Phượng Hoàng Trung đô*”, “*Chính khí ca Việt Nam*”, dịch “*Thơ chữ Hán của Nguyễn Du*”, “*Làng Trung Lễ trong phong trào chống Pháp*”...vv...

“*Làng Trung Lễ trong phong trào chống Pháp*” là tập truyện ký về mảnh đất và con người Trung Lễ. Tác phẩm không chỉ đề cập sự mất mát điêu linh ở một vùng quê giàu truyền thống học hành khoa bảng bị thực dân Pháp và bọn tay sai đàn áp dã man sau thất bại của cuộc Khởi nghĩa Cần Vương và phong trào Duy Tân - Đông Du đi vào thoái trào mà qua đó ca ngợi tính cách và phẩm giá cao đẹp của người Trung Lễ.

Truyền thống yêu nước và nề nếp gia phong, tư chất và cốt cách của một Nho sỹ phương Đông cộng với vốn học vấn phương Tây, lại từng trải cuộc đời qua nhiều cảnh ngộ, nhiều cương vị... đã tích lũy và hoà quyện, đã tạo nên một tài năng lớn, một nhân cách cao thượng, một tâm hồn trong sáng, tận tâm tận lực. Tự mình, Lê Thước đã nêu tấm gương lao

động cần mẫn say mê và sáng tạo. Những dòng ký ức và cảm tưởng chân thành của nhiều học giả, nhân sỹ trí thức và học sinh không chỉ biểu lộ lòng biết ơn mà còn là sự ngưỡng mộ và trân trọng về một người Thầy, một nhà văn hóa.

• Lê Thiệu Huy – người đặt nền móng cho mối quan hệ hữu nghị Việt - Lào

Lê Thiệu Huy (1921 – 1946) là con đầu của Lê Thước. Mới 10 tuổi ông đã thi đậu vào trường Trung học Albert Sarraut danh tiếng ở Hà Nội. Lê Thiệu Huy học giỏi, luôn đạt điểm cao nhất trong các kì thi. Năm 16 tuổi, anh đậu Thủ khoa loại giỏi Tú tài 1. Năm 17 tuổi, anh đậu tú tài toàn phần ban toán vào loại Đặc biệt xuất sắc.

Lê Thiệu Huy có năng khiếu đặc biệt về ngoại ngữ. Tinh thông Hán ngữ, Anh ngữ, Pháp ngữ, Quốc tế ngữ và luôn đạt điểm tối đa các môn Văn, Sử, Địa. Vì thế, sau 3 tháng đậu Tú tài 1 ban Toán anh lại đậu Thủ khoa Tú tài 1 Văn chương. Cũng trong năm đó, anh giành Giải đặc biệt trong Kỳ thi Học sinh giỏi toàn quốc Cộng hòa Pháp và Pháp quốc hải ngoại với 3 điểm cách biệt so với học sinh đạt giải Nhất. Báo chí Pháp ngày ấy đã gọi anh là “Thần đồng Đông Dương”.

Năm 1942, chính quyền Đông Dương mở trường Đại học khoa học đào tạo cử nhân tại Hà Nội, Lê Thiệu Huy là sinh viên khóa 1 với thành tích học tập chưa từng có: hai năm đậu ba bằng cử nhân Toán đại cương, Vật lý đại cương và Cơ lý thuyết đều vào loại ưu.

Nhật đảo chính Pháp, anh cùng Hoàng Xuân Bình, Nguyễn Thế Vân, Đặng Văn Việt vào Huế học Trường Võ bị thanh niên tiên tuyển do Phan Anh và Tạ Quang Bửu sáng lập. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, Lê Thiệu Huy và các bạn trong lớp võ bị hăng hái tham gia giành chính quyền tại Huế. Là ủy viên quân sự Ủy ban khởi nghĩa Thành phố Huế.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Lê Thiệu Huy được chọn làm sỹ quan liên lạc cho Tham nghị trưởng Bộ Ngoại giao Tạ Quang Bửu với đại diện Chính phủ Anh, Mỹ tại Việt Nam. Anh vinh dự được làm phiên dịch cho Bác Hồ trong các cuộc hội đàm giữa Chính phủ ta và đại diện Chính phủ Anh, Mỹ tại Hà Nội tháng 10/1945.

Bộ trưởng quốc phòng Phan Anh đã cử anh mang theo một số lượng lớn, tiền, vàng vào Quảng Trị theo Đường 9 sang Lào để vào Thái mua vũ khí. Không chỉ khơi

thông được con đường mua vũ khí từ Thái Lan về Việt Nam mà anh được tiếp kiến Hoàng thân Sinava Souphanouvong của Lào.

Bằng thực tế chuyến đi Đường 9, Lê Thiệu Huy thấy rõ vị trí chiến lược của Đường 9, anh đề nghị: Phải giành và giữ bằng được con đường chiến lược này mới thúc đẩy, hỗ trợ, liên kết Đông Dương, viện trợ và giúp đỡ cách mạng Lào - Miên.

Bộ trưởng Phan Anh đã đánh giá rất cao tầm nhìn xa, rất xa, ý nghĩa chiến lược của đề án này. Một tổ công tác đặc biệt được thành lập gồm Lê Thiệu Huy, Hoàng Xuân Bình, Nguyễn Trọng Thường, Dương Cự Tầm từ Hà Nội vào Chiến khu IV. Tại Vinh, Chỉ huy trưởng Chiến khu IV Lê Thiết Hùng đã ký quyết định thành lập Bộ chỉ huy Liên quân Lào - Việt mặt trận Đường 9 gồm: Hoàng Điền - Chỉ huy trưởng, Lê Thiệu Huy - Tham mưu trưởng, Đặng Văn Việt - Tham mưu phó, Hoàng Nguyên Bình - Trưởng ban tác chiến. Vừa thành lập vừa tác chiến nhưng liên quân Việt - Lào đã lập nhiều chiến công, nhanh chóng làm chủ Đường 9.

Khi Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) giữa ta và Pháp được ký kết. Theo mật lệnh của Chính phủ, Lê Thiệu Huy, Hoàng Xuân Bình, Nguyễn Trọng Thường bí mật rời Bộ Chỉ huy mặt trận để vào Sở Chỉ huy liên quân hai nước do Hoàng thân Souphanouvong chỉ huy. Lần thứ hai gặp lại Souphanouvong - lúc này đã giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang Pathet Lào, Chỉ huy trưởng liên quân Lào - Việt tại Trung Lào - hết sức quý mến tài năng, trí tuệ, nghị lực, sự khiêm nhường của Lê Thiệu Huy. Anh được Hoàng thân chọn làm bí thư riêng.

Thời điểm này thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào. Pháp đã huy động lực lượng tấn công vào Thị xã Thakhek tỉnh Khammuane. Dưới sự chỉ huy của Souphanouvong, Liên quân Lào - Việt đã anh dũng kiên cường đánh trả địch quyết liệt nhưng do chênh lệch về quân số và trang bị nên để bảo tồn lực lượng ngày 21/3/1946, Souphanouvong quyết định đưa Liên quân và một số nhân dân vượt sông Mê Kông sang đất Thái Lan tạm ẩn náu. Khi ra đến giữa sông Mê Kông đạn trên bờ của giặc bắn xối xả vào thuyền. Hoàng thân bị thương. Trong tình thế hiểm nghèo, cấp bách, Lê Thiệu Huy đã lấy thân mình chắn đạn cho Souphanouvong và đã anh dũng hy sinh.

Lê Thuốc khi nhận được tin con trai là Lê Thiệu Huy hy sinh đã đau đớn viết:

*Đau lòng xót thế hồi con ơi!
Hai sáu xuân xanh một kiếp người
Thấy cảnh chín e tằm đứt ruột.
Nghe tin nào khác sét bên tai
Treo gương liệt sỹ thờ ba nước
Uổng kiếp tài ba mới nửa đời
Lai láng trời Tây hồn cố quốc
Quân thù chưa diệt hận chưa nguôi.*

Năm 1950, sau khi nhậm chức Thủ tướng Chính phủ kháng chiến Neo Lao Issara, Hoàng thân Souphanouvong đã ký ngay Nghị định chọn ngày 21-3 làm "*Ngày căm thù thực dân Pháp*". Sau đình chiến, Hoàng thân đã sang Việt Nam tìm đến gia đình Lê Thiệu Huy để tạ ơn cứu mạng. Năm 1991, Chính phủ Lào đã truy tặng liệt sỹ Lê Thiệu Huy Huân chương Độc lập hạng Nhất. Năm 2011, liệt sỹ Lê Thiệu Huy được Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*".

• Lê Văn Thiêm – Người góp phần đặt nền móng cho nền Toán học Việt Nam

Lê Văn Thiêm (1918 – 1991) sinh ra trong gia đình có truyền thống khoa bảng. Cha mẹ ông qua đời sớm nên ông vào Quy Nhơn, nương tựa người anh cả Lê Văn Kỳ. Tại đây ông theo học Trường Collège de Quy Nhơn. Lê Văn Thiêm đã làm cho tất cả các thầy giáo phải kinh ngạc về sự thông minh xuất chúng của mình ở môn Toán học.

Năm 1939 Lê Văn Thiêm được nhận học bổng sang Pháp du học. Đến Pháp, Lê Văn Thiêm ghi tên vào Trường Đại học Sư phạm Paris - École Normale Supérieure de Paris. Sau đó ông sang Đức bảo vệ thành công xuất sắc luận án Toán học để nhận bằng tiến sĩ A Toán học (1945).

Năm 1946, Lê Văn Thiêm đã tự nguyện làm một số việc giúp đỡ phái đoàn và tập hợp anh em trí thức Việt kiều đi đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Được đồng chí Phạm Văn Đồng giao nhiệm vụ, ông đã sang Bỉ liên hệ giao dịch mua vũ khí để chuyển về nước. Năm 1948, ông đại diện cho Việt Nam lần đầu tiên tham dự Hội nghị hoà bình thế giới

tại Ba Lan. Cùng năm đó (1948), dưới sự hướng dẫn của chuyên gia hàng đầu về Hàm giải tích của Pháp, Giáo sư Georges Valiron, Lê Văn Thiêm đã bảo vệ xuất sắc luận án tiến sĩ khoa học quốc gia về Toán, và được mời dạy Toán tại Đại học Bách Khoa ở Zurich (Thụy Sĩ).

Lúc này, Lê Văn Thiêm đang quan tâm đến lý thuyết phân phối giá trị các hàm phân hình hoặc còn gọi là lý thuyết Nevanlina - một trong những lý thuyết được coi là đẹp nhất của toán học ở thế kỷ XX. Lê Văn Thiêm là người đầu tiên đưa ra lời giải cho một bài toán khó đã tồn tại nhiều năm của "*Bài toán ngược của lý thuyết Nevanlina*". Trong những công trình khoa học và sách chuyên khảo gần đây trên thế giới, người ta vẫn còn nhắc tới công trình của ông viết cách đây hơn nửa thế kỷ và nhắc đến ông như là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng lý thuyết về Toán học.

Năm 1949, Lê Văn Thiêm về nước tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu giành độc lập cho dân tộc. Ông đã trở về nước qua đường bay Paris - Băng Cốc, rồi từ Băng Cốc bằng đường bộ qua Campuchia về rừng U Minh, công tác tại Sở Giáo dục Nam Bộ.

Năm 1951, Lê Văn Thiêm được Chính phủ điều động từ Nam Bộ ra Việt Bắc để nhận nhiệm vụ mới. Ông được giao nhiệm vụ xây dựng Trường Khoa học Cơ bản và Trường Sư phạm Cao cấp, được cử giữ chức vụ Hiệu trưởng của hai trường này và giảng dạy môn Cơ học lý thuyết. Ở Việt Bắc, Lê Văn Thiêm đã đặt nền móng đầu tiên cho công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu ứng dụng, đã tạo dựng nên thể hệ cán bộ khoa học đầu tiên của nước Việt Nam mới.

Năm 1954, Chính phủ thành lập Trường Đại học Sư phạm Khoa học do Lê Văn Thiêm làm hiệu trưởng. Phụ trách môn Toán có Lê Văn Thiêm, Nguyễn Thúc Hào, Nguyễn Cảnh Toàn, Khúc Ngọc Khảm, Ngô Thúc Lanh. Từ năm 1957 - 1970, Lê Văn Thiêm được cử giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, kiêm Chủ nhiệm Khoa Toán.

Năm 1963, nghiên cứu công trình về ứng dụng hàm biến phức trong lý thuyết nổ, vận dụng phương pháp Lavrentiev, Lê Văn Thiêm đã cùng các học trò tham gia giải

quyết thành công một số vấn đề thực tiễn ở Việt Nam: Tính toán nổ mìn buồng mỏ đá núi Voi lấy đá phục vụ xây dựng khu gang thép Thái Nguyên (1964); Phối hợp với Cục Kỹ thuật - Bộ Quốc phòng lập bảng tính toán nổ mìn làm đường (1966); Phối hợp với Viện Thiết kế Bộ Giao thông vận tải tính toán nổ mìn định hướng để tiến hành nạo vét kênh nhà Lê từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh (1966 - 1967).

Lê Văn Thiêm cùng với Hoàng Tụy đã có đóng góp lớn trong việc thành lập Viện Toán học và Hội Toán học Việt Nam. Năm 1970, Lê Văn Thiêm được điều động làm Viện trưởng Viện Toán học thuộc Viện Khoa học Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo của Lê Văn Thiêm, Viện Toán học đã trở thành một trung tâm toán học uy tín hàng đầu của cả khu vực.

Sau khi Viện Toán học thành lập, Lê Văn Thiêm nhận thấy cần ứng dụng hàm biến phức sang các lĩnh vực khác như: lý thuyết đàn hồi, chuyển động của chất lỏng nhớt... Nhiều vấn đề lớn của đất nước như: Tính toán nước thấm và chế độ dòng chảy cho các đập thủy điện Hòa Bình, Vĩnh Sơn; Tính toán chất lượng nước cho công trình thủy điện Trị An... đã được ông và những người cộng tác như: Ngô Văn Lược, Hoàng Đình Dung, Lê Văn Thành... nghiên cứu giải quyết. Kết hợp nghiên cứu lý thuyết với ứng dụng, GS. Lê Văn Thiêm đề xuất một phương pháp độc đáo sử dụng nguyên lý thác triển đối xứng của hàm giải tích để tìm nghiệm tường minh cho bài toán thấm trong môi trường không đồng chất. Công trình này được đánh giá cao, được đưa vào cuốn sách chuyên khảo "*The Theory of Groundwater Movement*" của Viện sĩ người Nga P.Ya.Polubarinova Kochina, xuất bản ở Matxcova năm 1977.

Lê Văn Thiêm cũng có đóng góp lớn trong việc thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế giữa các nhà toán học Việt Nam và các nhà toán học thế giới. Ông đã đưa Hội Toán học Việt Nam tham gia vào Hội Toán học quốc tế với tư cách là thành viên chính thức, đưa Viện Toán học tham gia vào Trung tâm Toán học quốc tế Banach ở Ba Lan.

Từ năm 1980, Lê Văn Thiêm công tác tại Phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, đã đóng góp có hiệu quả, đưa Phòng Toán học ứng dụng trở thành Trung tâm Toán học Ứng dụng và Tin học ở các tỉnh phía Nam.

Lê Văn Thiêm cũng là đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa khoá II và III (1956 – 1970).

Để ghi nhớ những công hiến to lớn của Lê Văn Thiêm về khoa học, giáo dục và xã hội, năm 1996 nhà nước Việt Nam đã truy tặng ông giải thưởng Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập hạng Nhất.

Ngoài những nhân vật Lịch sử và văn hóa kể trên thì làng Trung Lễ còn có nhiều nhân vật nổi tiếng khác đó là:

- Tiến sĩ Trần Xước – người mở đầu cho truyền thống khoa cử của làng Trung Lễ.
- Cử nhân Lê Khanh, ông là bố của Lê Ninh, Lê Võ, Lê Trục, Lê Phát, Lê Diên. Ông làm quan Bô chánh tại Bình Định.
- Lê Trọng Đôn – Ông đỗ đầu xứ, nên thường gọi Đầu xứ Đôn. Nổi tiếng văn chương, ông có làm nhiều bài hát giặm và thơ phú, được truyền tụng nhất là về “*Chuyện câu Ấm Ninh khởi nghĩa*” và bài phú “*Trung Lễ thất hoả phú*”.
- Cử nhân Lê Văn Thống – ông là bố vợ của Lê Thước, từng được triều đình phong tặng hàm Hàn lâm thị độc.
- Lê Trục – là con của Lê Khanh, là em của Lê Ninh. Khi Lê Ninh mất, ông chính là người đứng đầu Lễ thứ, một trong 15 quân thứ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê của cụ Phan Đình Phùng.
- Lê Phát – là con của Lê Khanh, là em của Lê Ninh. Ông sớm tham gia cuộc khởi nghĩa tại Trung Lễ và hi sinh trong phong trào Cần Vương.
- Lê Diên – là con của Lê Khanh, là em của Lê Ninh. Ông cũng tham gia và hi sinh trong phong trào Cần Vương.
- Lê Nghệ – là con của Lê Ninh, ông tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp đầu thế kỉ XX, bị bắt và mất trong ngục năm 1916.
- Tiến sĩ Lê Văn Kỹ – là anh trai cả của Lê Văn Thiêm, ông một trong năm Tiến sĩ sau cùng của nền khoa cử Hán học.
- Hồ Văn Ninh – một nhà yêu nước, đồng thời là một nhà thơ cách mạng.

3. Kết luận

Trong thời kì Trung đại, Cận đại, Hiện đại làng Trung Lễ có nhiều nhân vật nổi tiếng về lòng yêu nước, về khoa cử và những đóng góp về mặt văn hóa cho lịch sử nước nhà. Họ đã tạo nên truyền thống và làm rạng danh làng Trung Lễ. Ngày nay các thế hệ con em của làng Trung Lễ luôn nỗ lực vượt khó vươn lên để kế tiếp truyền thống đó trong thời đại mới nhằm xây dựng một làng Trung Lễ ngày càng giàu đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng Hà Tĩnh Chi hội Di sản văn hóa tỉnh Hà Tĩnh, *Hà Tĩnh di tích quốc gia & quốc gia đặc biệt*, NXB Đại học Vinh, 2014.
2. Phong Châu, Nguyễn Văn Phú, *Phủ Việt Nam chọn lọc*, NXB Văn học, 2008.
3. Ninh Viết Giao, *Từ điển nhân vật xứ Nghệ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2008.
4. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005.
5. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, NXB Khoa học xã hội, 2018.
6. Nhiều tác giả, *Nhà giáo danh tiếng đất Lam Hồng*, NXB Nghệ An, 1996.
7. Nhiều tác giả, *Danh nhân Hà Tĩnh, tập 1*, NXB Đại học Vinh, 2013
8. Sinava Souphanouvong, *Ông hoàng Đỏ người hùng của nước Lào*, NXB Trẻ, 2004.
9. Bùi Thiết, *Từ điển Hà Tĩnh*, Sở Văn hóa thông tin Hà Tĩnh, 2000.
10. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi, *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 – 1919*, NXB Văn học, 2006.
11. Nguyễn Phan Thọ, *Sáng mãi xứ hiền tài*, NXB Chính trị quốc gia, 2013.
12. <https://www.thivien.net>. Cập nhật ngày 31/12/2021.